

BÀI THỰC TẬP LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC (NĂM HỌC: 2014 – 2015)

Học phần:

Số tổ:

Địa điểm:

Phòng TT số 1, 2

Thời gian:

Từ 11/08/2014

Bài	Nội dung	TLTK
1. Dung dịch thuốc	1. Thuốc nhỏ tai cloramphenicol 5% (20 ml) 2. Dung dịch sát khuẩn povidon - iod 10% (50 ml)	TTBC, tr. 5 TTBC, tr. 2
2. Siro thuốc – Elixir	1. Siro dextromethorphan hydrobromid (mỗi sinh viên pha 50 ml, chất thơm: 1 ml dung dịch ethyl vanilin 2%; lọc qua cột lọc thô, đóng bằng máy đóng dung dịch, kiểm tra bán thành phẩm: pH, tỷ trọng) 2. Elixir paracetamol dùng cho trẻ em (50 ml, chất màu: 0,1 ml dung dịch erythrosin 2%, chất thơm: 0,5 ml dung dịch mùi dâu 1%)	TTBC, tr. 7 TTBC, tr. 13
3. Hỗn dịch thuốc	1. Hỗn dịch antacid (50 ml) 2. Hỗn dịch lưu huỳnh (50 ml)	TTBC, tr. 27 TTBC, tr. 30
4. Nhũ tương thuốc	1. Nhũ tương dầu parafin (50 ml): dùng máy siêu âm để phân tán. 2. Nhũ tương nhỏ mắt indomethacin (100 ml)	TTBC, tr. 22 TTBC, tr. 18
5. Thuốc tiêm – Thuốc nhỏ mắt	1. Thuốc tiêm lidocain hydroclorid 2% (2 nhóm × 200 ml, đóng ống 2 ml) 2. Thuốc nhỏ mắt cloramphenicol 0,4% (50 ml)	TTBC, tr. 32 TTBC, tr. 42
6. Thuốc tiêm - Thuốc nhỏ mắt	1. Thuốc tiêm vitamin C 10% (4 nhóm × 200 ml, đóng ống 2 ml) 2. Thuốc nhỏ mắt neomycin - dexamethason (100 ml)	TTBC, tr. 33 TTBC, tr. 43
7. Thuốc tiêm truyền	1. Dung dịch tiêm truyền natri hydrocarbonat 1,4% (2 nhóm × 3 l) 2. Dung dịch tiêm truyền paracetamol 1% (6 nhóm × 100 ml)	TTBC, tr. 38 TTBC, tr. 39
8. Thuốc phun mù	1. Thuốc phun mù giảm đau, chống viêm (50 ml, đóng chung) 2. Thuốc xịt mũi naphazolin 0,05% (100 ml)	TTBC, tr. 56 TTBC, tr. 3
9. Thuốc mỡ	1. Thuốc mỡ Benzosali (mỗi sinh viên làm 20 g) 2. Thuốc mỡ methyl salicylat (mỗi sinh viên làm 20 g)	TTBC, tr. 63 TTBC, tr. 66
10. Thuốc mỡ	1. Emulgel natri diclofenac (mỗi sinh viên làm 50 g) 2. Gel lidocain (mỗi sinh viên làm 50 g)	TTBC, tr. 69 TTBC, tr. 70
11. Thuốc đặt	1. Thuốc đặt paracetamol (tá dược Suppocire, mỗi sinh viên làm 10 viên) 2. Thuốc đặt nystatin 100 000 IU ~ 20 mg (mỗi sinh viên làm 5 viên)	TTBC, tr. 77 TTBC, tr. 75
12. Thuốc bột – cốm	1. Bột pha hỗn dịch amoxycilin (mỗi sinh viên làm 1 lọ) 2. Cốm pha hỗn dịch co-trimoxazol (mỗi sinh viên làm 4 gói)	TTBC, tr. 81 TTBC, tr. 83
13. Thuốc nang	1. Viên nang cloramphenicol (300 viên + đo khối lượng riêng biểu kiến, độ trơn chảy) 2. Đánh giá độ hòa tan của viên nang cloramphenicol	TTBC, tr. 88 TTBC, tr. 112
14. Viên nén	1. Viên nén natri diclofenac bao tan ở ruột (đập viên: 200 viên/1 SV) 2. Viên nén đặt âm đạo nystatin (phương pháp đập thẳng , mỗi sinh viên làm 50 viên)	TTBC, tr. 102 TTBC, tr. 99
15. Viên bao	1. Viên nén natri diclofenac bao tan ở ruột (2000 viên, bao viên)	TTBC, tr. 102

Bài	Nội dung	TLTK
16. Đánh giá chất lượng viên	1. Đánh giá độ rã của viên nén natri diclofenac bao tan ở ruột (ĐĐVN IV) 2. Đánh giá một số chỉ tiêu chất lượng của viên nén: độ cứng, độ bờ, độ mài mòn, độ rã (viên nén đặt âm đạo nystatin)	TTBC, tr. 112 TTBC, tr. 112

Ghi chú: Bố trí các nhóm bài TT xoay vòng: 1-2 / 3-4-5 / 6-7-8 / 9-10-11 / 12-13-14 / 15-16.
Đánh giá ngẫu nhiên 8 bài TT.

Emulgel natri diclofenac

Công thức:

Natri diclofenac	1,00 g
Alcol cetylic	6,00 g
Tween 80	2,00 g
Span 80	0,50 g
Ethanol 96%	6,00 g
Propylen glycol	7,00 g
Carbopol 934	0,40 g
Triethanolamin	0,70 g
Nước tinh khiết vừa đủ	100,00 g

Quy trình: Không thay đổi

Viên nén đặt âm đạo nystatin

Công thức:

Nystatin	40 mg
Gôm xanthan	5 mg
Avicel PH101	300 mg
Talc	10 mg
Aerosil	5 mg

Quy trình: Không thay đổi